

Số: **4073** /QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày **01** tháng **12** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình giải quyết miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình giải quyết miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Vụ I, Vụ PC);
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT(2), TXNK (3b)

Nguyễn Dương Thái

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Dương Thái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Giải quyết miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4073/QĐ-TCHQ ngày 01 tháng 12 năm 2017
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy trình này quy định về trình tự các bước công việc cần phải thực hiện của cơ quan hải quan, công chức hải quan (công chức HQ) khi miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng (hàng ANQP).

Điều 2. Cơ quan hải quan, công chức HQ có trách nhiệm thực hiện đúng đối tượng được miễn thuế, hồ sơ miễn thuế, thủ tục miễn thuế theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ và quy trình này.

Điều 3. Căn cứ hướng dẫn tại quy trình này, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có thể quy định chi tiết thời gian cụ thể tối đa phải hoàn thành công việc của từng bước trong quy trình này phù hợp với đặc điểm của đơn vị mình.

Điều 4 Chi Cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu có trách nhiệm cập nhật, thống kê đầy đủ số liệu về tình hình miễn thuế phát sinh tại đơn vị mình, báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố. Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Hải quan (theo mẫu ban hành kèm theo quy trình này).

Điều 5. Hàng năm, sau khi nhận được Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa chuyên dùng trực tiếp phục vụ an ninh, quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, công chức HQ được giao nhiệm vụ giải quyết miễn thuế tại Tổng cục Hải quan lập Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP (theo Phụ lục I ban hành kèm theo quy trình này) đối với từng mặt hàng dự kiến nhập khẩu.

Điều 6. Việc miễn thuế đối với hàng hóa ANQP được thực hiện dưới hai hình thức: miễn thuế trước khi làm thủ tục hải quan hoặc miễn thuế sau khi làm thủ tục hải quan. Hồ sơ miễn thuế do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ủy quyền gửi đến Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Riêng trường hợp miễn thuế sau khi làm thủ tục hải quan, hồ sơ miễn thuế bao gồm cả hồ sơ hải quan của lô

hàng hóa ANQP do Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu gửi sau khi làm thủ tục hải quan.



Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I

MIỄN THUẾ TRƯỚC KHI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG AN NINH/QUỐC PHÒNG

Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ miễn thuế hàng ANQP.

1. Công chức HQ tiếp nhận hồ sơ miễn thuế tại Tổng cục Hải quan tiếp nhận, ghi nhận số lượng tài liệu có trong hồ sơ, đóng dấu công văn đến, ghi rõ thời gian nhận hồ sơ vào sổ công văn đến và giải quyết theo quy định về tiếp nhận hồ sơ của Tổng cục Hải quan.

2. Văn thư Cục Thuế xuất nhập khẩu tiếp nhận hồ sơ miễn thuế và xử lý theo quy chế tiếp nhận hồ sơ đến tại Cục Thuế xuất nhập khẩu.

3. Lãnh đạo của Phòng được phân công giải quyết hồ sơ phân công công chức HQ xử lý hồ sơ miễn thuế theo quy định.

Điều 8. Kiểm tra hồ sơ miễn thuế hàng ANQP

Công chức HQ được giao xử lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ miễn thuế, đối chiếu với quy định tại Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan và xử lý như sau:

1. Kiểm tra sơ bộ hồ sơ miễn thuế:

a. Trường hợp hồ sơ miễn thuế, thông tin tại hồ sơ miễn thuế chưa đầy đủ theo quy định, dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Cục Thuế xuất nhập khẩu ký thừa lệnh Tổng cục Hải quan yêu cầu người đề nghị miễn thuế bổ sung hồ sơ.

b. Trường hợp hồ sơ miễn thuế, thông tin tại hồ sơ miễn thuế đầy đủ theo quy định thì tiến hành kiểm tra chi tiết theo hướng dẫn tại mục 2 Điều này.

2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ miễn thuế

a. Kiểm tra sự phù hợp của các tài liệu trong hồ sơ như: tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa đề nghị miễn thuế phù hợp với nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng ủy thác nhập khẩu (hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu) và các tài liệu có liên quan tại hồ sơ miễn thuế.

Hợp đồng ủy thác nhập khẩu, hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu phải ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng.

b. Đối chiếu hàng hóa đề nghị miễn thuế với Danh mục phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xác định hàng hóa đó trong nước đã sản xuất được hay chưa sản xuất được.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ miễn thuế:

a. Trường hợp phát hiện một trong số các nội dung kiểm tra chi tiết nêu trên không phù hợp hoặc hàng hóa là phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được thì dự thảo Thông báo hàng hóa không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này), trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành.

b. Trường hợp kết quả kiểm tra chi tiết phù hợp, phương tiện vận tải chuyên dùng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được thì thực hiện theo Điều 9 quy trình này.

Điều 9. Kiểm tra, đối chiếu hàng hóa đề nghị miễn thuế với Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP.

Công chức HQ kiểm tra, đối chiếu chi tiết tên hàng, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa đề nghị miễn thuế với tên hàng, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP để xác định tên hàng, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa được miễn thuế và xử lý như sau:

1. Trường hợp tên hàng đề nghị miễn thuế không phù hợp với tên hàng tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì dự thảo Thông báo hàng hóa không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này) trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành.

2. Trường hợp tên hàng đề nghị miễn thuế phù hợp với tên hàng tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa đề nghị miễn thuế bằng hoặc ít hơn số còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì được giải quyết miễn thuế toàn bộ. Công chức HQ thực hiện trừ lùi số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa được miễn thuế vào Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP và chuyển sang thực hiện Điều 10 Quy trình này.

3. Trường hợp tên hàng đề nghị miễn thuế phù hợp với tên hàng tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa đề nghị miễn thuế nhiều hơn số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì chỉ được miễn thuế theo số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP. Công chức HQ thực hiện trừ lùi lượng hàng hóa được miễn thuế còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP và chuyển sang thực hiện Điều 10 Quy trình này.

4. Trường hợp đã nhập khẩu hết số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì dự thảo Thông báo hàng hóa không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này) trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành.

Điều 10. Ban hành Thông báo miễn thuế

Căn cứ kết quả kiểm tra tại Điều 9 Quy trình này, công chức HQ dự thảo Thông báo miễn thuế (theo Phụ lục IIb ban hành kèm theo quy trình này), trình

Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký, gửi người đề nghị miễn thuế và Chi cục hải quan nơi dự kiến nhập khẩu hàng hóa.

Thời gian ban hành Thông báo miễn thuế hoặc Thông báo không được miễn thuế thực hiện trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Hải quan tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị miễn thuế.

Điều 11. Thực hiện miễn thuế

Khi làm thủ tục hải quan, công chức HQ được giao làm thủ tục hải quan đối chiếu hồ sơ hải quan của lô hàng (bao gồm cả Thông báo miễn thuế mà Tổng cục Hải quan gửi cho người đề nghị miễn thuế) với Thông báo miễn thuế do Tổng cục Hải quan gửi cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để xác định chính xác lô hàng được miễn thuế và xử lý như sau:

1. Trường hợp kiểm tra, xác định tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa nhập khẩu phù hợp với Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì thực hiện thanh khoản trên hệ thống VNACCS/VCIS số tiền thuế được miễn và thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định.

2. Trường hợp kiểm tra, xác định tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa nhập khẩu ít hơn Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì thực hiện thanh khoản trên hệ thống VNACCS/VCIS số tiền thuế được miễn bằng số tiền thuế nhập khẩu trên tờ khai hải quan và thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định.

3. Trường hợp kiểm tra, xác định tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa nhập khẩu nhập nhiều hơn Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì chỉ được thanh khoản trên hệ thống VNACCS/VCIS số tiền thuế tối đa bằng số tiền thuế của số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa nhập khẩu nhập ghi tại Thông báo miễn thuế và yêu cầu người khai hải quan nộp thuế đối với phần hàng hóa không thuộc Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định.

4. Trường hợp kiểm tra, xác định tên hàng hóa nhập khẩu không phù hợp tên hàng hóa tại Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì không thực hiện miễn thuế, đồng thời, yêu cầu người khai hải quan nộp thuế toàn bộ lô hàng trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định.

5. Báo cáo về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu) kết quả giải quyết miễn thuế đối với các trường hợp nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hoặc giải phóng hàng hóa (theo Phụ lục III ban hành kèm theo quy trình này).

Điều 12. Kiểm tra kết quả miễn thuế.

Khi nhận được báo cáo kết quả miễn thuế đối với hàng ANQP của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan, công chức HQ thực hiện:

1. Trường hợp tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa thực tế nhập khẩu trùng khớp hoặc nhiều hơn Thông báo miễn thuế của TCHQ thì đánh dấu vào ô “Đã kiểm tra” tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP và tiến hành lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Quy trình này.

2. Trường hợp tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa nhập khẩu ít hơn Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì thực hiện trừ lùi lại lượng hàng hóa được miễn thực tế vào Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP, đồng thời, trình Lãnh đạo Tổng cục ban hành Thông báo miễn thuế sửa đổi gửi người đề nghị miễn thuế và tiến hành lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Quy trình này.

3. Trường hợp tên hàng hóa không phù hợp với tên hàng hóa tại Thông báo miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì thực hiện trừ lùi lại lượng hàng hóa thực tế không được miễn vào Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP, đồng thời trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ban hành Thông báo hàng hóa không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này) thay thế Thông báo miễn thuế đã ban hành gửi người đề nghị miễn thuế và tiến hành lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Quy trình này.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ

Hồ sơ lưu trữ gồm:

1. Hồ sơ miễn thuế do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ủy quyền gửi đến Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP;

2. Thông báo miễn thuế hoặc Thông báo không được miễn thuế do Tổng cục Hải quan ban hành;

3. Báo cáo về kết quả giải quyết miễn thuế của lô hàng hóa ANQP do Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu gửi sau khi làm thủ tục hải quan;

4. Việc lưu trữ hồ sơ thực hiện theo quy định hiện hành.

Mục II

MIỄN THUẾ SAU KHI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG AN NINH/QUỐC PHÒNG

Điều 14. Gửi/nhận hồ sơ hải quan về Tổng cục Hải quan

1. Khi làm thủ tục hải quan hàng hóa nhập khẩu trực tiếp phục vụ ANQP, công chức HQ được phân công làm thủ tục hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, các quy định hiện hành, thực hiện giải phóng hàng hóa theo quy định, đồng thời gửi toàn bộ hồ sơ hải quan và chứng từ nộp thuế đối với trường hợp đã nộp thuế (bản sao có đóng dấu sao y của Chi cục Hải quan) trên từng tài liệu trong hồ sơ, kèm theo Bảng kê các chứng từ tài liệu (theo Phụ lục IV ban hành kèm theo quy trình này) về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế xuất nhập khẩu) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giải phóng hàng hóa.

2. Tổng cục Hải quan thực hiện tiếp nhận hồ sơ hải quan hàng ANQP do Chi cục Hải quan gửi và chuyển Cục Thuế xuất nhập khẩu phân công công chức HQ xử lý theo hướng dẫn tại Điều 7 Quy trình này.

Điều 15. Kiểm tra hồ sơ hải quan

Công chức HQ tại Cục Thuế XNK được giao xử lý hồ sơ hải quan kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với quy định hiện hành và xử lý như sau:

1. Kiểm tra sơ bộ hồ sơ hải quan:

a. Trường hợp hồ sơ hải quan, thông tin tại hồ sơ hải quan chưa đầy đủ theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo quy trình này, dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Cục Thuế xuất nhập khẩu ký thừa lệnh Tổng cục Hải quan yêu cầu Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai bổ sung hồ sơ.

b. Trường hợp hồ sơ hải quan, thông tin tại hồ sơ hải quan đầy đủ theo quy định Phụ lục IV ban hành kèm theo quy trình này thì tiến hành kiểm tra chi tiết theo hướng dẫn tại mục 2 Điều này.

2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan:

a. Kiểm tra thông tin khai báo trên tờ khai hải quan như: mã phân loại hàng hóa ANQP, khai báo Giấy phép nhập khẩu hàng ANQP..., số tiền thuế phải nộp tại tờ khai hải quan trùng khớp với số tiền thuế nhập khẩu của lô hàng còn nợ trên hệ thống kế toán thuế tập trung.

b. Kiểm tra sự phù hợp của các tài liệu trong hồ sơ hải quan như: tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa phù hợp với nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng ủy thác nhập khẩu (hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu) và các tài liệu có liên quan tại hồ sơ hải quan.

Hợp đồng ủy thác nhập khẩu, hợp đồng cung cấp hàng hóa theo văn bản trúng thầu hoặc văn bản chỉ định thầu phải ghi rõ giá cung cấp hàng hóa không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng.

c. Đối chiếu hàng hóa nhập khẩu tại tờ khai hải quan với Danh mục phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xác định hàng hóa đó trong nước đã sản xuất được hay chưa sản xuất được.

3. Xử lý kết quả kiểm tra:

a. Trường hợp phát hiện một trong số các thông tin kiểm tra chi tiết nêu trên không đúng, tài liệu trong hồ sơ hải quan không phù hợp hoặc hàng hóa nhập khẩu là phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được thì dự thảo Thông báo hàng hóa không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này) trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký, ban hành.

b. Trường hợp kết quả kiểm tra các thông tin chi tiết nêu trên đúng, tài liệu trong hồ sơ hải quan phù hợp và hàng hóa nhập khẩu là phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được thì thực hiện theo Điều 16 Quy trình này.

Điều 16. Kiểm tra hàng hóa thực tế nhập khẩu trên hồ sơ hải quan với Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP

1. Trường hợp tên hàng tại tờ khai hải quan không phù hợp với tên hàng tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì dự thảo Thông báo hàng hóa

không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này) trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành.

2. Trường hợp tên hàng tại tờ khai hải quan phù hợp với tên hàng tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa tại tờ khai hải quan bằng hoặc ít hơn Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì được giải quyết miễn thuế toàn bộ. Công chức HQ thực hiện trừ lùi lượng hàng hóa được miễn thuế vào Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP và chuyển sang thực hiện Điều 17 Quy trình này.

3. Trường hợp tên hàng tại tờ khai hải quan phù hợp với tên hàng tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP, số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa tại tờ khai hải quan nhiều hơn số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì chỉ được miễn thuế theo số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa còn lại tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP. Công chức HQ thực hiện trừ lùi lượng hàng hóa được miễn thuế còn lại vào Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP và chuyển sang thực hiện Điều 17 Quy trình này.

4. Trường hợp đã nhập khẩu hết số lượng và/hoặc trị giá hàng hóa tại Bảng theo dõi hạn ngạch nhập khẩu hàng ANQP thì dự thảo Thông báo hàng hóa không được miễn thuế (theo Phụ lục IIa ban hành kèm theo quy trình này) trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành.

Điều 17. Ban hành Quyết định miễn thuế

Căn cứ kết quả kiểm tra tại Điều 16 quy trình này, công chức HQ dự thảo Quyết định miễn thuế (theo Phụ lục V ban hành kèm theo quy trình này) trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành gửi Chi cục Hải quan nơi gửi hồ sơ hải quan hàng ANQP.

Thời gian ban hành Quyết định miễn thuế hoặc Thông báo hàng hóa không được miễn thuế thực hiện trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Hải quan nhận đủ hồ sơ hải quan.

Điều 18. Thực hiện miễn thuế theo Quyết định miễn thuế do Tổng cục Hải quan ban hành.

Sau khi nhận được Thông báo hàng hóa không được miễn thuế hoặc Quyết định miễn thuế của Tổng cục Hải quan, công chức HQ được giao xử lý miễn thuế đối chiếu với hồ sơ hải quan lô hàng nhập khẩu lưu tại Chi cục và thực hiện như sau:

1. Trường hợp kiểm tra, xác định tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa, số thuế nhập khẩu phù hợp với Quyết định miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì thực hiện thanh khoản trên hệ thống kế toán thuế tập trung số tiền thuế được miễn theo quy định.

2. Trường hợp kiểm tra, xác định tên hàng hóa, số lượng hàng hóa, trị giá hàng hóa số thuế nhập khẩu nhiều hơn Quyết định miễn thuế của Tổng cục Hải quan thì thực hiện thanh khoản trên hệ thống kế toán thuế tập trung số tiền thuế

được miễn bằng số tiền thuế nhập khẩu được miễn tại Quyết định miễn thuế và yêu cầu người khai hải quan nộp thuế đối với phần hàng hóa không thuộc Quyết định miễn thuế của Tổng cục Hải quan.

3. Trường hợp hàng hóa không thuộc đối tượng miễn thuế theo Thông báo của Tổng cục Hải quan thì công chức HQ báo cáo Lãnh đạo Đội, Lãnh đạo Chi cục từ chối giải quyết miễn thuế và yêu cầu người khai hải quan nộp thuế bổ sung theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và báo cáo về Tổng cục Hải quan.

Điều 19. Kiểm tra kết quả miễn thuế hàng ANQP.

Khi nhận được hồ sơ đề nghị miễn thuế theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ủy quyền gửi đến Tổng cục Hải quan, công chức HQ đối chiếu các tài liệu trong hồ sơ đề nghị miễn thuế với hồ sơ kèm theo Quyết định miễn thuế (hoặc Thông báo hàng hóa không được miễn thuế) đã ban hành và xử lý như sau:

1. Trường hợp có sự khác biệt giữa hai hồ sơ về các thông tin liên quan đến nội dung miễn thuế thì trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký, ban hành văn bản đề nghị người nộp hồ sơ miễn thuế giải trình.

2. Trường hợp không có sự khác biệt giữa hai hồ sơ thì dự thảo công văn trả lời người đề nghị miễn thuế (kèm theo Quyết định miễn thuế đã ban hành) và gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để thực hiện thông quan hàng hóa theo quy định.

Công văn trả lời người đề nghị miễn thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Hải quan tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị miễn thuế theo Phụ lục VI ban hành kèm theo quy trình này.

Điều 20. Lưu trữ hồ sơ

Hồ sơ lưu trữ gồm:

1. Hồ sơ miễn thuế do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ủy quyền gửi đến Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP;

2. Hồ sơ hải quan của lô hàng ANQP do Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu gửi sau khi làm thủ tục hải quan;

3. Quyết định miễn thuế hàng ANQP hoặc văn bản trả lời người đề nghị miễn thuế.

4. Việc lưu trữ hồ sơ thực hiện theo quy định hiện hành.

Mục III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT MIỄN THUẾ

Điều 21. Báo cáo tình hình giải quyết miễn thuế

1. Định kỳ hàng tháng (vào ngày 5 của tháng tiếp theo), Chi cục Hải quan báo cáo tình hình giải quyết miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng (theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy trình này) gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

2. Định kỳ hàng tháng (vào ngày 10 của tháng tiếp theo), Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo Tổng cục Hải quan (theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy trình này).

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Đơn vị...

Phụ lục I

BẢNG THEO DÕI HẠN NGẠCH HÀNG AN NINH, QUỐC PHÒNG - Năm 20...

(Kế hoạch nhập khẩu theo công văn số.....ngày,,,của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng)

Mục:.....

Tiêu mục, hạn ngạch:.....

Loại hàng:.....

TT	Số hồ sơ miễn thuế	Quyết định, Thông báo miễn thuế	Theo dõi trừ lùi		Đã kiểm tra	Theo dõi trừ lùi lại		Ghi chú	Cán bộ theo dõi (ký)
			Số lượng - Trị giá nhập khẩu	Số lượng - Trị giá còn lại		Số lượng - Trị giá nhập khẩu	Số lượng - Trị giá còn lại		
A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K
1									
2									
3									

Phụ lục IIa

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc miễn thuế trước thông quan hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số ...sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Quyết định số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Công an/Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm ...;

Theo đề nghị của Bộ Công an/Bộ Quốc phòng tại công văn số ... ngày ... về việc miễn thuế nhập khẩu lô hàng phục vụ an ninh cho Bộ Công an/Bộ Quốc phòng,

Tổng cục Hải quan thông báo về việc miễn thuế trước thông quan hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng như sau:

1. Không thực hiện miễn thuế nhập khẩu đối với lô hàng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, cụ thể như sau:

- Tên đơn vị nhập khẩu: Mã số thuế:
- Mặt hàng nhập khẩu:
- Số lượng hàng hóa:
- Trị giá (tính bằng USD hoặc trị giá nguyên tệ):
- Giấy phép nhập khẩu:
- Quyết định phê duyệt đấu thầu/Quyết định phê duyệt hợp đồng nhập khẩu:
- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa:
- Hợp đồng ủy thác/hợp đồng mua bán (nếu có):
- Đơn vị ủy thác nhập khẩu (nếu có):
- Số vận đơn:
- Nơi dự kiến đăng ký tờ khai hải quan:

2. Lý do:... . Đề nghị Cục Hải quan... chỉ đạo Chi cục Hải quan...thực hiện Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Cục....- Bộ;
- Vụ I (BTC);
- Cục Hải quan...;
- Chi cục HQ ...;
- Công ty...(địa chỉ);
- Lưu: VT, TXNK (4b).

**KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Phụ lục IIb

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-TCHQ

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc miễn thuế trước thông quan hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số ...sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Quyết định số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Công an/Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm ...;

Theo đề nghị của Bộ Công an/Bộ Quốc phòng tại công văn số ... ngày ... và hồ sơ miễn thuế kèm theo về việc miễn thuế nhập khẩu lô hàng phục vụ an ninh cho Bộ Công an/Bộ Quốc phòng,

Tổng cục Hải quan thông báo về việc miễn thuế trước thông quan hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng như sau:

1. Miễn thuế nhập khẩu lô hàng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, cụ thể như sau:

- Tên đơn vị nhập khẩu: Mã số thuế:
- Mặt hàng nhập khẩu:
- Số lượng:
- Trị giá (tính bằng USD hoặc trị giá nguyên tệ):
- Giấy phép nhập khẩu số:
- Hợp đồng mua bán hàng hóa số:
- Hợp đồng ủy thác/hợp đồng mua bán số (nếu có):
- Số vận đơn:

2. Cục Hải quan...có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Hải quan....đối chiếu Thông báo này với hồ sơ hải quan và thực tế hàng hóa nhập khẩu để xử lý miễn thuế.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giải quyết miễn thuế, Chi cục hải quan...có trách nhiệm báo cáo về Tổng cục Hải quan kết quả giải quyết miễn thuế đối với lô hàng hóa nêu trên theo mẫu số....ban hành kèm theo Thông tư....

3. Bộ Công an/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích đã được miễn thuế, không nhượng bán. Trường hợp sử dụng sai mục đích miễn thuế hoặc nhượng bán sẽ bị truy thu toàn bộ số thuế nhập khẩu đã được miễn và bị xử lý nộp phạt theo quy định của pháp luật.

Người khai hải quan phải xuất trình Thông báo này và các tài liệu có liên quan với cơ quan hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu./.

Nơi nhận:

- Cục....- Bộ;
- Vụ I (BTC);
- Chi cục HQ ...;
- Công ty...(địa chỉ);
- Lưu: VT, TXNK (4b).

**KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Phụ lục III

CỤC HẢI QUAN....
CHI CỤC HẢI QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.... ..., ngày tháng năm

V/v báo cáo kết quả giải quyết
miễn thuế hàng ANQP

Kính gửi: Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK).

Căn cứ Thông báo số...ngày... của Tổng cục Hải quan về việc miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, sau khi giải quyết miễn thuế, Chi cục Hải quan...Cục Hải quan... báo cáo như sau:

T T	Nội dung báo cáo	Thông báo của Tổng cục Hải quan	Thực tế hàng hóa nhập khẩu	Chênh lệch	Ghi chú
	a	b	c	d	đ
1	Tờ khai nhập khẩu số..ngày...				
2	Mặt hàng nhập khẩu				
3	Số lượng				
4	Trị giá				
5	Tổng số thuế được miễn				

Nơi nhận:

-;

- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO CHI CỤC

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Phụ lục IV

CỤC HẢI QUAN....
CHI CỤC HẢI QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....

..., ngày tháng năm

V/v gửi hồ sơ miễn thuế hàng
ANQP

Kính gửi: Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK).

Chi cục Hải quan...Cục Hải quan...gửi Tổng cục Hải quan hồ sơ hải quan lô hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy trình giải quyết miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số...ngày của Tổng cục Hải quan. Cụ thể:

Doanh nghiệp nhập khẩu:...

Mã số thuế:...

TT	Tên tài liệu, chứng từ	Số	Ngày	Số tờ	Ghi chú
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>
1	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu				
2	Hóa đơn thương mại				
3	Vận tải đơn				
4	Giấy phép (hoặc Giấy xác nhận) nhập khẩu hàng hóa phục vụ mục đích an ninh/quốc phòng				
5	Hợp đồng nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu (nếu có)				
6	Văn bản chỉ định thầu (nếu có)				
7	Chứng từ nộp thuế (nếu có)				

LÃNH ĐẠO CHI CỤC

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Phụ lục V

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TCHQ

..., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn thuế sau khi giải phóng hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/04/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số ...sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....của Bộ trưởng Bộ Công an/Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm

Căn cứ hồ sơ hải quan theo tờ khai nhập khẩu số...ngày...đã đăng ký tại Chi cục Hải quan...

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Miễn thuế nhập khẩu lô hàng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng gồm ... Tổng trị giá: ... do Công ty ... Mã số thuế ... trúng thầu nhập khẩu cung cấp cho ... Bộ Công an/ Bộ Quốc phòng thuộc tờ khai hải quan số ... ngày ... tháng ... năm tại Chi cục ... Tổng số thuế nhập khẩu được miễn là: ... đồng (*Bằng chữ:*).

Điều 2. Cục Hải quan ... có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Hải quan ... đối chiếu nội dung Quyết định này với thực tế hàng hóa nhập khẩu và bộ hồ sơ hải quan lưu tại đơn vị để xác định tất cả các nội dung, tài liệu liên quan đều phù hợp, đầy đủ, chính xác thì thực hiện thanh khoản số tiền thuế được miễn theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy trình giải quyết miễn thuế nhập khẩu đối với

hàng hóa phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số...ngày của Tổng cục Hải quan

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục thuế xuất nhập khẩu, Cục Hải quan...,Chi cục Hải quan... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ I (BTC);
- Cục Hải quan..;
- Chi cục HQ ...;
- Lưu: VT, TXNK (4b).

**KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Phụ lục VI

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v: Miễn thuế hàng ANQP

Kính gửi:.....

Trả lời công văn số ...ngày ... của Bộ Công an/Bộ Quốc phòng về việc miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho quốc phòng/an ninh, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Ngày..., Tổng cục Hải quan đã có Quyết định số.../QĐ-TCHQ miễn thuế nhập khẩu lô hàng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng tại tờ khai hải quan số ... ngày... có tổng trị giá: ... do Công ty ... - Mã số thuế...trúng thầu nhập khẩu cung cấp cho ... Bộ Công an/ Bộ Quốc phòng đăng ký tại Chi cục ... Tổng số thuế nhập khẩu được miễn là: ... đồng (*Bằng chữ:*).

2. Bộ Công an/Bộ Quốc phòng có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích đã được miễn thuế, không nhượng bán. Trường hợp sử dụng sai mục đích miễn thuế hoặc nhượng bán sẽ bị truy thu toàn bộ số thuế nhập khẩu đã được miễn và bị xử lý nộ phạt theo quy định của pháp luật.

3. Cục Hải quan...căn cứ vào công văn số ... đối chiếu với Quyết định số /QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan để thực hiện thông quan lô hàng và xác nhận “hàng được miễn thuế theo Quyết định số .../QĐ-TCHQ của Tổng cục Hải quan” trên tờ khai bản lưu của doanh nghiệp.

Tổng cục Hải quan thông báo đề Bộ Công an/ Bộ Quốc phòng, Cục Hải quan ..., Chi cục Hải quan ... biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Cục....- Bộ
- Vụ I (BTC);
- Cục Hải quan...;
- Chi cục HQ ...;
- Công ty...(địa chỉ);
- Lưu: VT, TXNK (4b).

**KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Tên cơ quan, tổ chức chủ quản

Tên cơ quan, tổ chức

Phụ lục VII

BÁO CÁO GIẢI QUYẾT MIỄN THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU PHỤC VỤ TRỰC TIẾP AN NINH, QUỐC PHÒNG

Tháng.....năm.....

TT	Số...ngày...Quyết định miễn thuế, Thông báo miễn thuế hàng ANQP của Tổng cục Hải quan	Số...ngày...Tờ khai hải quan	Tên hàng	Số lượng	Trị giá	Số tiền thuế được miễn	Ghi chú
	<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>đ</i>	<i>e</i>	<i>g</i>
TỔNG SỐ							

..., ngày.....tháng...năm

Quyền hạn, chức vụ của người ký

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên